

Số: 1171/HD-STP

An Giang, ngày 26 tháng 7 năm 2024

HƯỚNG DẪN

**Nội dung chỉ tiêu 9.6 “huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định”
thuộc bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới, giai đoạn 2021 - 2025
và chỉ tiêu 9.4 “quận, thị xã, thành phố đạt chuẩn tiếp cận pháp luật”
thuộc tiêu chí quận, thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh
đạt chuẩn đô thị văn minh**

A. Căn cứ pháp lý

- Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.
- Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.
- Quyết định số 1143/QĐ-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về ban hành hướng dẫn nội dung tiêu chí, chỉ tiêu “tiếp cận pháp luật” trong đánh giá nông thôn mới và đô thị văn minh.

B. Nội dung

I. Huyện đạt chỉ tiêu 9.6 “Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định” thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, **quận, thị xã, thành phố đạt chỉ tiêu 9.4 “Quận, thị xã, thành phố đạt chuẩn tiếp cận pháp luật”** thuộc Tiêu chí quận, thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định tại Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg ngày 18/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ **khi đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:**

TT	Nội dung chỉ tiêu	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Tài liệu đánh giá
1	Ban hành các văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành pháp luật trên địa bàn		
1.1	Tỷ lệ văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện được ban hành đúng quy định pháp luật <i>Tỷ lệ % = (Tổng số văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện đã ban hành đúng thẩm quyền, thời hạn và không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý hoặc kiến nghị xử lý do trái pháp luật/Tổng số văn bản quy phạm pháp luật được giao ban hành) x100</i>	100%	- Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện đã ban hành kèm theo văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cho chính quyền cấp huyện ban hành văn bản quy phạm pháp luật (nếu có). - Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc đình chỉ thi hành, bãi bỏ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện hoặc Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện (nếu có) hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền kết luận về việc văn bản quy phạm pháp luật của cấp huyện trái pháp luật (nếu có).

TT	Nội dung chỉ tiêu	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Tài liệu đánh giá
1.2	Tỷ lệ văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân do chính quyền cấp huyện ban hành bảo đảm đúng quy định pháp luật (sau đây gọi là văn bản hành chính) <i>Tỷ lệ % = (Tổng số văn bản hành chính đã ban hành đúng thẩm quyền, thời hạn và không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý hoặc kiến nghị xử lý do trái pháp luật / Tổng số văn bản hành chính đã ban hành) x 100</i>	$\geq 80\%$	- Sổ đăng ký văn bản đi của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện. - Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của Công an cấp huyện. - Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc đình chỉ thi hành, bãi bỏ văn bản hành chính hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền kết luận về việc văn bản hành chính của cấp huyện trái pháp luật (nếu có).
2	Tiếp cận thông tin		
2.1	Thực hiện lập, cập nhật, đăng tải (hoặc niêm yết) Danh mục thông tin phải công khai, Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện theo quy định pháp luật	Theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 13/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin	Danh mục thông tin đã được Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành, đăng tải trên Cổng (hoặc Trang) thông tin điện tử cấp huyện hoặc niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân cấp huyện hoặc hình thức phù hợp khác.

TT	Nội dung chỉ tiêu	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Tài liệu đánh giá
2.2	Tỷ lệ thông tin được công khai kịp thời, chính xác, đầy đủ, đúng hình thức theo quy định pháp luật <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã công khai đúng thời hạn, thời điểm, chính xác, đầy đủ, đúng hình thức theo quy định/Tổng số thông tin phải được công khai) x 100</i>	$\geq 90\%$	- Hồ sơ, văn bản, tài liệu phục vụ xây dựng, đăng tải hoặc niêm yết các danh mục thông tin (đường link trên Cổng hoặc Trang thông tin điện tử, lịch phát các tin, bài công khai thông tin được người có thẩm quyền phê duyệt; hình ảnh chụp các bảng niêm yết, công khai thông tin...). - Đơn kiến nghị, phản ánh hoặc biên bản tổng hợp kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc công khai thông tin theo yêu cầu của Văn phòng Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện (nếu có).
2.3	Tỷ lệ thông tin được cung cấp theo yêu cầu kịp thời, chính xác, đầy đủ, đúng hình thức theo quy định pháp luật <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã cung cấp đúng thời hạn, chính xác, đầy đủ, đúng hình thức theo quy định pháp luật/Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) x 100</i>	$\geq 90\%$	- Sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện, kèm theo Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin. - Đơn kiến nghị, phản ánh hoặc biên bản tổng hợp kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện (nếu có).

TT	Nội dung chỉ tiêu	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Tài liệu đánh giá
3	Phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở		
3.1	Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, đánh giá công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Đáp ứng yêu cầu về nội dung và thời hạn theo Kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc trong 10 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Kế hoạch trong trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không có yêu cầu về thời hạn	- Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đã được lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành. - Kế hoạch, văn bản của cơ quan Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn nội dung, thời hạn ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân huyện (nếu có). - Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện về kết quả thực hiện Kế hoạch và các văn bản, tài liệu phục vụ tổ chức, triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch. - Tài liệu khác chứng minh kết quả thực hiện nhiệm vụ của Kế hoạch.
3.2	Tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ theo Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đã triển khai và hoàn thành trên thực tế/Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đề ra trong Kế hoạch) x 100</i>	≥ 80%	

TT	Nội dung chỉ tiêu	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Tài liệu đánh giá
3.3	Bố trí kinh phí bảo đảm thực hiện Kế hoạch Phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	$\geq 80\%$ nhiệm vụ được bảo đảm kinh phí thực hiện	- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền có nội dung phân bổ, bố trí kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. - Dự toán kinh phí chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải cơ sở, đánh giá, công nhận chuẩn tiếp cận pháp luật được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt. - Báo cáo kết quả (độc lập hoặc lồng ghép) về phân bổ, bố trí, sử dụng kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, mức độ đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch đã phê duyệt.
3.4	Tỷ lệ báo cáo viên pháp luật cấp huyện được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật <i>Tỷ lệ % = (Tổng số báo cáo viên pháp luật cấp huyện được tập huấn, bồi dưỡng / Tổng số báo cáo viên pháp luật của cấp huyện) x 100</i>	$\geq 80\%$	- Kế hoạch, Giấy mời hoặc thông báo tham dự tập huấn. - Danh sách báo cáo viên pháp luật cấp huyện được công nhận. - Danh sách báo cáo viên pháp luật cấp huyện xác nhận tham dự tập huấn hoặc được cấp phát tài liệu.

TT	Nội dung chỉ tiêu	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Tài liệu đánh giá
3.5	Tỷ lệ tập huấn viên cấp huyện về hòa giải ở cơ sở được bồi dưỡng, tập huấn về kiến thức, kỹ năng hòa giải ở cơ sở và phương pháp tập huấn <i>Tỷ lệ % = (Tổng số tập huấn viên cấp huyện về hòa giải ở cơ sở được tập huấn, bồi dưỡng/Tổng số tập huấn viên về hòa giải ở cơ sở của cấp huyện)</i>	$\geq 80\%$	- Kế hoạch, Giấy mời hoặc thông báo tham dự tập huấn. - Danh sách tập huấn viên về hòa giải ở cơ sở của cấp huyện. - Danh sách tập huấn viên về hòa giải ở cơ sở của cấp huyện xác nhận tham dự tập huấn hoặc được cấp phát tài liệu.
4	Trợ giúp pháp lý		
	Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu <i>Tỷ lệ % = (Tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý được trợ giúp pháp lý trên địa bàn/Tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý có yêu cầu trợ giúp pháp lý trên địa bàn) x 100</i>	$\geq 80\%$	Số liệu về tổng số người thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý trên địa bàn huyện có yêu cầu trợ giúp pháp lý và số liệu về tổng số người thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý trên địa bàn huyện được trợ giúp pháp lý do Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tổng hợp và cung cấp

II. Số liệu phục vụ đánh giá

1. Số liệu phục vụ đánh giá các nội dung tại Mục I Hướng dẫn này được tổng hợp từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới, quận, thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh.

2. Đối với những nội dung tại các tiểu mục 1.1, 2.3 và 4 Mục I Hướng dẫn này, nếu trong năm không phát sinh nhiệm vụ vì lý do khách quan thì được tính đạt 100%.

3. Văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân do chính quyền cấp huyện ban hành bao gồm Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện liên quan đến một số lĩnh vực: đất đai, xây dựng, tài nguyên - môi trường, văn hóa, an sinh - xã hội, hộ tịch; Quyết định của Trưởng Công an cấp huyện trong xử lý vi phạm pháp luật của cá nhân, tổ chức trên địa bàn thuộc phạm vi, chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh An Giang tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý, tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý thuộc phạm vi quản lý rà soát, tổng hợp thông tin về tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý được trợ giúp pháp lý, tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý có yêu cầu trợ giúp pháp lý trong năm; đồng thời là đầu mối tổng hợp thông tin nêu trên.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước xác định tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý được trợ giúp pháp lý, tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý có yêu cầu trợ giúp pháp lý là công dân cư trú trên địa bàn để tính tỷ lệ % phục vụ việc đánh giá, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới, quận, thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh./.

Nơi nhận:

- Cục PBGDPL - Bộ Tư pháp;
- Ủy ban nhân dân tỉnh (b/c);
- Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh;
- Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Tư pháp;
- Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh;
- Phòng Tư pháp huyện, thị xã, thành phố;
- Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;
- Công Thông tin điện tử Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, PBGDPL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trịnh Tuấn Ngọc